

**ĐẠI-ĐẠO TAM-KỲ PHỔ-ĐỘ**  
**TÒA-THÁNH TÂY-NINH**

---



**PHẠM MÔN,**  
**MINH THIÊN - PHƯỚC THIÊN**

.....  
**H T M A I V Ā N T Ì M**  
.....



**TÀI LIỆU SƯU TẦM 2023**  
hai•không•hai•hai

---

Ebook được hình thành bởi chuyển đổi tài liệu phổ biến từ Website **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có do sự trình bày, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HT MAI VĂN TÌM** và **BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 20/07/2023

Tâm Nguyên

Website: [tusachCAODAI.wordpress.com](http://tusachCAODAI.wordpress.com)

---

**PHẠM MÔN**  
**MINH THIÊN-PHƯỚC THIÊN**  
**HT MAI VĂN TÌM**



---

---

## MỤC LỤC

<b>PHẠM MÔN, MINH THIỆN VÀ PHƯỚC THIỆN</b> .....	<b>7</b>
▪ PHẠM MÔN .....	7
▫ A- Ý Nghĩa Danh Xưng Phạm Môn.....	7
▫ B- Nguồn Gốc Thành Hình Phạm Môn .....	8
▫ C- Minh Thiện Đàn. ....	11
1- Hồng Thệ nơi Minh Thiện Đàn: .....	14
2- Hồng thệ tại Sở Trường Hoà: .....	14
3- Hồng Thệ đợt sau tại Hộ Pháp Đường: .....	16
▫ D- Hoạt Động Của Phạm Môn.....	16
▪ CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN.....	21
▫ A- Từ Phạm Môn Chuyển Sang Phước Thiện.....	21
▫ B- Cơ Quan Phước Thiện Chính Thức Ra Đời. ....	25
▫ C- Nâng Cấp Cơ Quan Phước Thiện Thành Hội Thánh Phước Thiện .....	28
▪ KẾT LUẬN .....	29



## PHẠM MÔN, MINH THIỆN VÀ PHƯỚC THIỆN

▪ *HT Mai Văn Tím*  
(Điều chỉnh 12-2018)

**T**RONG NỀN ĐẠO CAO ĐÀI CÓ CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN MÀ SAU NẤY TRỞ THÀNH HỘI THÁNH PHƯỚC THIỆN trực thuộc Hiệp Thiên Đài. Cơ Quan Phước Thiện có nguồn gốc từ Phạm Môn và Minh Thiện Đàn. Trong bài này chúng ta sẽ nghiên cứu lịch sử thành lập và quá trình hoạt động của các Cơ Quan này.

### PHẠM MÔN

#### A- Ý NGHĨA DANH XƯNG PHẠM MÔN.

**Phạm Môn có nghĩa là Cửa Phạm tức là Cửa Phật.**

Theo lời giảng của Đức Hộ Pháp thì danh từ Phạm Môn Đức Ngài lấy từ trong bài thi của Đức Chí Tôn giảng cho:

*Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm Môn,  
Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn,  
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,  
Tỉnh thế kỳ thân đắc chánh tôn.*

- **Câu 1:** nghĩa là Đức Chí Tôn kêu cả con cái của Ngài thức tỉnh cho mau lo hiến thân vào cửa Phạm (là cửa Phật).
- **Câu 2:** là khuyến chúng sanh ráng lo tu hành để ngày sau linh hồn đăng siêu thăng vào cõi Thiêng Liêng Hằng Sống.

- **Câu 3:** là không có công lao khổ hạnh trong cửa Đạo thì không thể nào trở về ngôi xưa vị cũ cho đặng.
- **Câu 4:** là nhằm thế kỷ 20 thời kỳ Đức Chí Tôn rộng mở cửa Phật độ toàn con cái của Ngài chỉ khuyên chúng ta ráng lo tu tỉnh ngộ hủy bỏ cả hành vi thế sự, đem thân vào cửa Đạo, chịu nêu sòng khổ hạnh thì tự nhiên đắc Đạo tại thế đó vậy.

Từ ngày mở cửa Phạm Môn, Nhơn sanh vào lập Công đoạt vị cũng nhiều, điển hình hai vị đắc Thánh là Phối Thánh Phạm Văn Màng (*chủ sở Lương điền Phạm Môn*) và Phối Thánh Bùi ái Thoại (*Cai sở Đắp vễ Đền Thánh*). Ngọc Hư Cung phong hai vị vào hàng Phối Thánh, còn Đức Hộ Pháp dùng quyền Chí Tôn tại thế truy phong vào hàng phẩm Thánh Nhơn.

### B- NGUỒN GỐC THÀNH HÌNH PHẠM MÔN

Phạm Môn phối thai từ năm Kỷ Tỵ (1929), khởi thủy do Đức Hộ Pháp sang phần đất tại xóm Trường Đua thuộc xã Hiệp Ninh, quận Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tạo một ngôi nhà. Ngôi nhà đầu tiên này do Đức Hộ Pháp đặt cho Ông Lễ Sanh Thượng Ngươn Thanh lãnh khoán, khi làm xong kéo đem tới dựng lên (*nhà cột cây lợp tranh*).

Sau khi dựng xong ngôi nhà này **Đức Hộ Pháp đặt tên là Phạm Nghiệp** ban cho hai câu liễn nơi trước cổng là:

**PHẠM NGHIỆP THỪA NHÀN LỢI LỘC CÔNG DANH VÔ SỞ DỤNG,  
MÔN QUAN TÍCH ĐẠO TINH THẦN PHÁP BỬU HỮU CƠ CẤU.**

Trong Bài Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp ngày Rằm tháng 7 Nhâm Thân (1932), Ngài có giảng giải như sau:



“Khi bỏ chức từ quan thì cũng đã biết thân để dành đôi chút, tưởng là để đồng tiền mà chi phí đặng an ổn thân tu, về nơi Tòa Thánh đặng làm tội tớ cho Chí Tôn cả vợ chồng con cái, nào ngờ đâu hạng vô lương tâm gởi thơ rơi niếc mắng rằng nhờ Đạo mà vợ no con ấm. Cốt yếu muốn đuổi Tệ Đệ ra khỏi Tòa Thánh như đuổi Cao Thượng Phẩm vậy đặng không chỗ nương thân phải ra rừng mà ở cho chết đói coi chơi; họ thâm nghĩ đã bỏ chức phận mình và đường sanh nhai rồi thì còn gì mà sống.

Một phen chẳng nói chi, còn đặng liền mười bốn cái thơ, mạ nhục đến điều; nếu Tệ Đệ còn ngoài đời chắc là đã sanh thế khác hơn là lo lui cui đi mua đất cất nhà cho vợ con ra khỏi Tòa Thánh. Tiền của Tệ Đệ làm mà đảng bất lương cũng còn kiện Tệ Đệ nơi Tòa án. Ấy là Phạm Nghiệp lập ra với tư bốn chút ít của Tệ Đệ và nợ của Tệ Đệ tạm cầu nơi Bà con mà lập ra.....”

Sau này Bà Phối Sư Hương Nhiều là bạn đời của Đức Hộ Pháp qui vị cũng được chôn cất và thờ phượng nơi đây. Trước năm 1975, Hội Thánh cho xây dựng một ngôi nhà gạch kang trang, chung quanh có vườn hoa rất đẹp mắt.

Như vậy, Phạm Nghiệp đầu tiên lập ra là tài sản của gia đình Đức Hộ Pháp nhưng ngày nay cũng do Hội Thánh quản lý.

Trong lúc đang kiến tạo ngôi nhà này có một số người Đạo Tâm tự đến xin làm giúp cho Đức Hộ Pháp. Mục đích của những người này là muốn được gần gũi Đức Hộ Pháp để học Đạo và cứ như thế số người đến xin làm mỗi ngày thêm đông.

Đến năm Canh Ngọ (1930) Đức Hộ Pháp mới nói

với những người này rằng: *Chỗ này không phải chỗ làm Công quả, nếu ai muốn làm Công quả, thì về trong Tòa Thánh mà làm. Còn như em nào muốn theo Qua, thì phải làm tờ hiến thân trọn đời vào Phạm Môn và phải có cha mẹ với vợ bằng lòng ký tên cho hiến thân mới đăng, đồng thời Tờ Hiến Thân phải có Đầu Họ Đạo vi chứng. Những anh em này hợp nhau bàn tính, kết quả anh em đồng ý làm Tờ Hiến Thân. Khi làm Tờ Hiến Thân xong đệ lên Đức Hộ Pháp, Ngài xem xong rồi đệ luôn qua cho Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhật. (Tờ Hiến thân đợt đầu này đề ngày 15 tháng 6 năm 1930).*

Từ ngày Anh, Em làm Tờ Hiến Thân rồi, Đức Thầy buộc làm Công mỗi tháng phải làm đủ 27 ngày, nghỉ 3 ngày là: Mồng 1, 20 và 30. Nếu tháng thiếu nghỉ ngày 29.

Một số Cơ Sở Phạm Môn ở vùng Thánh Địa:

- Đức Thầy dạy Anh Em về Tòa Thánh tạo Sở “Khách Đình” kế lộ Phước Đức Cù, sau hậu nhà Sở Khách Đình sát với rừng cấm. (*hướng Nam Tòa Thánh*). Nhà Sở này do Ông Nguyễn văn Lưu làm chủ sở.
- Đến cuối năm Canh Ngọ (1930) Đức Thầy cho anh em xuống mở Sở Phạm Môn tại Tâm Lạch thuộc xã Trường Hòa (*Tây Ninh*) do Ông Lê văn Lưu làm Chủ Sở sắp đặt việc nhà cửa và canh tác ruộng rẫy. Ông Phạm văn Màng nhiệm vụ coi Anh Em người Miên làm hằng ngày. Vì Sở này có bốn chục (40) người Miên kể cả Nam, Nữ. Còn người Việt Nam lối hai chục người (20).
- Đến năm Tân Mùi (1931) Đức Thầy dạy Ông Trịnh Phong Cương ra tạo Sở *Giang Tân* kế mé sông Vàm Cỏ Đông thuộc xã Trường Hòa sát ranh với

xã Long Thành.

- Sở *Nam Công Nghệ* gần ngã ba đi Suối Đá và đi Chà Là, tại nách đường đi vô Thái Bình Thánh Địa (*nghĩa địa*) do Ông Võ văn Đợi tự Đại làm Chủ Sở.
- Sở *Nữ Công Nghệ* ở gần ngã tư Ao Hồ kế bên cửa số 7 ngoài ô Thánh Địa do Ông Đinh văn Tiết làm Chủ Sở.
- Sở *Dưỡng Lão Đường* cũng gần ngã tư Ao Hồ, nên nhà Sở là Điện Thờ Phật Mẫu Đệ Tam ngày nay (*Canh Thân 1980*) do Ông Lê văn Tri làm Chủ Sở.
- Ngoài ra sau này còn lập Sở *Vạn Pháp Cung* trên chân núi Bà lo việc phá rừng, lập vườn trồng rẫy sản xuất lương thực...

### C- MINH THIỆN ĐÀN.

(*Cũng là một thành phần của Phạm Môn*).

Năm 1927 (*Đinh Mão*), Đức Phạm Hộ Pháp và Ngài Bảo Văn Pháp Quân vâng lệnh Đức Phật Mẫu đi xuống làng Phú Mỹ, huyện Châu Thành tỉnh Mỹ Tho tìm đất lập một Thánh Thất gọi là Thánh Thất Khổ Hiền Trang và giao cho ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh làm chủ. Đức Lý Giáo Tông có cho một bài thi khoán thủ để làm kỷ niệm như sau:

*Khổ tà cam chịu chớ đùng than,  
Hiền hảo cùng nhau mới vẹn toàn,  
Trang điểm ngọc lành cho đáng giá,  
Dồi mài chí thiện Thượng Minh Thanh.*

Ngày 14 tháng 10 năm Đinh Mão (8-11-1927) ông Đinh Công Trứ, nhà ở tại làng Phú Mỹ, chấp Cơ được Đức Lý Giáo Tông giảng dạy lập Minh Thiện Đoàn tại

nhà của ông.

Sau đó ông Lê Văn Trung nhà cũng ở tại Phú Mỹ gia nhập Minh Thiện Đoàn.

Hai ông Đinh Công Trứ và ông Lê Văn Trung (*sau này đặc phong phẩm Hiền Nhơn trong Cơ Quan Phước Thiện*) được Đức Lý Giáo Tông dùng làm cặp phò loan chính thức của Minh Thiện Đoàn. Và Đức Lý cũng chỉ định ông Đinh Công Trứ làm Chủ trưởng Minh Thiện Đoàn.

Phận sự ông Giáo Hữu Thượng Minh Thanh hiệp (04) Hương Đạo cùng các vị đạo tâm, trí thức chung lo. Đến ngày Rằm tháng Giêng năm Mậu Thìn (1928) bắt đầu lập Đoàn thân người vào Minh Thiện Đoàn, do ông Giáo Hữu chứng minh thệ cho mỗi người rồi lập danh sách dâng lên cho ba Ngài: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Hộ Pháp và Đức Thượng Phẩm.

Đồng thời chiêu mộ các vị đã vào Minh Thiện Đoàn đưa về Tòa Thánh làm Cơ ng quả phá rừng, đào giếng, bứng gốc chặt chồi.....

Sau đó **Đức Lý giảng dạy**: Minh Thiện Đoàn tức là Qui Thiện, mà Qui Thiện là Phạm Môn nên phải hiệp với Đức Hộ Pháp.

Ngày 25 tháng 2 năm Kỷ Tỵ (*Đl. 4-4-1929*) nghe tin Đức Hộ Pháp đang lánh nạn ở thủ Đức (*do vụ ông Tư Mắt về Tòa Thánh hành hung Đức Hộ Pháp và Đức Cao Thượng Phẩm*), ông Lê Văn Trung liền đi lên Thủ Đức rước Đức Hộ Pháp về Phú Mỹ. Đức Lý Giáo Tông giao Minh Thiện Đoàn cho Đức Hộ Pháp chưởng quản.

Một sự kiện đáng ghi nhớ nơi Minh Thiện Đoàn ở Phú Mỹ là việc Đức Hộ Pháp cùng chư vị Chức sắc, Đạo

hữu đi tìm và lấy được Long Tuyền Kiếm do Trạng Tầu trấn yểm từ lâu làm cho đất nước Việt Nam không xuất hiện Nhơn tài vì mỗi lần có Nhơn tài xuất hiện đều bị kiếm báu Long Tuyền vớt đứt...

Do đàn Cơ của Bà Bát Nương mách bảo Đức Hộ Pháp vào đêm 16-10 Mậu Thìn (27-11-1928), đến ngày 28- 2- Kỷ Tỵ (1929) Đức Hộ Pháp cùng phái đoàn gồm 36 vị bơi xuống vào một cánh đồng hoang vu có gò đất gọi là ngọn núi Lan. Chính nơi đây phái đoàn đã đào bới và lấy được thanh Long Tuyền Kiếm đựng trong một cái hộp bao chì và Đức Hộ Pháp đã mang về Tòa Thánh...

## THẬP ĐIỀU GIỚI RĂN

Đến năm 1930, Đức Hộ Pháp dạy cả Anh Em phải học Thập Điều Giới Răn, phải học cho thuộc lòng đặng khi Thầy biểu đọc lại là phải cho thuộc.

### **Thập Điều Giới Răn như dưới đây:**

1. Phải tuân y Luật Pháp Chơn Truyền của Chí Tôn.
2. Phải trọn hiếu với Tông Đường Phụ Mẫu, trọn nghĩa Vợ Chồng, vẹn phận làm Cha.
3. Phải trọn giữ trai giới.
4. Phải xa lánh các Đảng phái.
5. Phải thật hành Phước Thiện, nuôi người già, dưỡng trẻ nhỏ.
6. Không đặng thù của chúng sanh.
7. Coi Anh Em đồng Đạo như ruột thịt.
8. Không được bội Sứ phản bạn.
9. Phải ở như các Thánh Hiền, đừng phạm tội vong

công bội đức.

10. Phải Thương yêu loài người và loài vật, kính trọng mạng sanh, đặng vừa theo Thánh chất của Chí Tôn là Chúa sự sống.

### **HỒNG THỆ ĐÀO VIÊN PHÁP:**

Sau một thời gian lập Cơ ng quả trong Phạm Môn, Các vị nầy được Đức Hộ Pháp căn Thần nghĩa là dùng phương pháp đặc biệt của Ngài để xem coi ai đã đạt được trung bình trở lên về Công quả cũng như về hạnh đức. Những vị được tuyển chọn sẽ có buổi Minh Thệ tập thể gọi là Hồng Thệ Đào Viên Pháp. Những vị nầy sẽ được giao cho những nhiệm vụ quan trọng hơn trong tương lai.

#### **1- Hồng Thệ nơi Minh Thiện Đàn:**

(*Thánh Thất Khổ Hiên Trang*) ngày Rằm tháng 2 Canh Ngọ (1930)

Tại Minh Thiện Đàn trong đợt đầu Đức Thầy chọn được 23 vị và cho làm lễ Hồng thệ Đào Viên Pháp trước đó vào ngày Rằm tháng 2 Canh Ngọ (1930).

Những vị nầy về Tòa Thánh hành Đạo sau đạt phẩm vị Chơn Nhơn, Đạo Nhơn khá nhiều. Đặc biệt có hai vị đạt đến phẩm Hiên Nhơn (*đối phẩm Phối Sư bên Cửu Trùng Đài*) đó là Hiên Nhơn Lê Văn Trung và Hiên Nhơn Nguyễn Văn Phú.

#### **2- Hồng thệ tại Sở Trường Hoà:**

Ngày mùng 3 tháng Giêng Nhâm Thân (1932)

Đúng ngày mồng 3 tháng Giêng NhâmThân (1932) cả Anh Em Phạm Môn Nam Nữ và luôn cả Cha Mẹ

Vợ Con của Anh Em đều tựu đến Sở Trường Hòa rất đông phỏng chừng lối ngàn người.

Đến 7 giờ tối Đức Thầy dạy lấy một cái thau rửa thật sạch, đem để trước Thiên Bàn, Đức Thầy nói: Đáng lẽ là mỗi người có tên Hồng Thệ hôm nay tự mình cắt tay lấy máu đựng chung trong thau nầy rồi mỗi người uống một hớp, nhưng mấy em là người Đạo mỗi người đều giữ trường trai không thể làm như vậy được, nên phải dùng rượu chát đỏ thay thế, đổ rượu vào thau nầy cho nhiều vì mấy em đông lắm, lại thêm Cha Mẹ, Vợ Con của mấy em. Khi đổ rượu vào thau xong, Đức Thầy làm lễ Chí Tôn và hành Pháp vào thau rượu rồi kêu từ người theo danh bộ đã chọn sẵn và cả Cha Mẹ, vợ con của người được Hồng Thệ vô.

Người chánh danh Phạm Môn được Hồng Thệ quì trước Thiên Bàn nguyện như vậy:

**Tôi là: ..... tôi thề rằng:**

***Từ nay tôi coi Anh Em Phạm Môn như ruột thịt, sanh tử bất ly, thoảng có điều chi hoạn nạn thì tôi liều mình với Anh Em, tôi thề nguyện quyền Thiêng Liêng hành pháp Tận Đạo Tam Đồ bất năng thoát tục, và Thầy tôi không nhìn đến tôi nữa.***

Lạy ba lạy đứng dậy, rồi thọc ngón tay giữa bàn tay mặt vô rượu chát đỏ mà nói rằng: “*Đây là huyết thệ của tôi*”, rồi uống mỗi người một hớp, Cha Mẹ, vợ con của người chánh danh cũng uống mỗi người một hớp, như vậy, kế người sau đó cũng làm y như vậy tiếp theo mãi cho hết.

Những người Hồng Thệ kỳ mồng 3 tháng Giêng NhâmThân (DL. 7-2-1932), Đức Thầy chọn được 67 vị.

Ông Lê Văn Tri xin thêm 5 vị nữa ở Gò Chai, Long Vĩnh, Đức Thầy cho nhưng Đức Thầy nói: Mấy người em xin thêm đó nếu sau này có nên được, em vánh tay Qua đi. Sau quả y lời như Đức Thầy nói.<sup>9</sup>

### 3- Hồng Thệ đợt sau tại Hộ Pháp Đường:

Đến tháng 8 năm Ất Hợi (1935), Đức Thầy cho Ông Nguyễn Văn Gia Thủ Bồn Phạm Môn hay đến ngày 18 tháng 8 Ất Hợi (15-9-1935) sẽ làm Lễ Hồng Thệ cho những vị Phạm Môn chưa Hồng thệ kỳ trước, Ông Thủ Bồn Phạm Môn liền gửi thư các Sở hay, và đúng ngày đã định Anh Chị Em đều tựu về nhà sau tại Hộ Pháp Đường hồi đó còn nhà cột cây lợp tranh.

Việc Hồng Thệ (*Đào Viên Pháp*) kỳ này cũng thi hành y như kỳ mồng 3 tháng Giêng Nhâm Thân (1932) và kỳ này kết quả được 52 Nam và 27 Nữ.

### D- HOẠT ĐỘNG CỦA PHẠM MÔN.

Đức Thầy (*Đức Hộ Pháp*) thường đến thăm Anh Em nơi các Sở Phạm Môn, đi bằng cách cỡi ngựa, vì thời này đa số đều là rừng rậm, chớ không có đường lưu thông rộng rãi như ngày nay, chỉ đi theo con đường xe bò, nên dẫu có xe đạp cũng khó đi lắm! Có khi Đức Thầy đi một mình, có khi thì có một hoặc hai người đi theo.....

Cũng trong khoảng thời gian này, khi đến thăm các Sở, hễ gặp người bệnh thì Đức Thầy kêu Chủ Sở dặn phải tận tâm lo thuốc men cho người bệnh, không nên vì việc làm mà bỏ người bệnh.

Vì lúc này, Sở nào cũng đều là đất rừng mới khai phá ra nên bệnh chổi nước, sốt rét rất nhiều. Mỗi lần Đức



Thầy đi thăm đều thấy như vậy, hơn nữa càng ngày số người bệnh lại càng đông hơn trước.

Nhận thấy không thể đành như vậy được, nên đến tháng Giêng năm Quý Dậu (1933), Đức Thầy mới kêu Anh Em đến sửa soạn ngôi nhà sau hậu Hộ Pháp Đường, lót ván sạp dài thành hai dãy dọc theo hai bên, để cho người bệnh ở các chỗ Phạm Môn về, nằm trị bệnh (*Nam tá, Nữ hữu*). Khi sắp sửa chỗ nơi xong, Đức Thầy cho các vị Chủ Sở hay, kể từ nay các Sở Phạm Môn hễ có người bệnh, dầu Nam hay Nữ, đều đem hết về giao cho Đức Thầy chăm sóc điều trị.

Phần trị bệnh chia ra 2 khoa:

- Đông y do Ông Bùi văn Hưng (*Ông Tư Hưng*) làm Bảo Bệnh điều trị bằng Đông y.
- Tây y Đức Thầy bốn thân chăm sóc chích thuốc và cho uống Tây y.

Vì trong thời gian này (1933), những người hiện làm công quả tại Tòa Thánh và các Sở Phạm Môn không người nào biết chích thuốc, và điều trị bằng thuốc Tây, chỉ có Sài Gòn mới có một tiệm bán thuốc Tây mà thôi.

Về việc Đức Thầy chích thuốc Tây trị bệnh cho Anh Em rất kết quả, vì đa số là bệnh chói nước, rét rừng nên chích ký nin (*Quinine*) rất Công hiệu, nhưng rất tiếc là Công việc trị bệnh đang tiến hành, kể bị nhóm người Chi Phái đối lập với Tòa Thánh Tây Ninh tố cáo với chánh quyền Pháp tại Tây Ninh, nên Ông Trương Tâm (*xếp mật vụ Pháp Tây Ninh*) đi với bốn người lính Cảnh Sát vô tại Hộ Pháp Đường, khám lấy kim chích, và cả dụng cụ chích thuốc.....

Từ đó Đức Thầy không còn chích được nữa, những

người bình chối nước rét rừng thì ra ở tại nhà Cô Tư (*Chị ruột của Đức Thủy*) ở tại chợ củ Tây Ninh, đứng mỗi bữa sáng đến nhà Thương Tây Ninh chích thuốc.

Đến cuối năm Quý Dậu (1933), gần Tết Nguyên Đán, Ông Trưởng Tâm xếp lính kín Tây Ninh đi với bốn, năm người nữa mặc đồ thường (*không biết chức vụ*), đến tại Hộ Pháp Đường trình giấy chứng của Quan Chánh Tham Biện (*Tỉnh Trưởng*) Tây Ninh, cho lệnh khám xét Hộ Pháp Đường.

Sau đó, lối hai tháng thì có lệnh đóng cửa các Sở Phạm Môn, do chánh quyền làm sẵn, đem đến dựng trước cửa mỗi nhà Sở một tấm bảng như vậy: “*Niềm cửa lại vì lập Hội không xin phép trước*”.

Mặc dù có lệnh của chánh quyền đóng cửa như vậy, nhưng Anh Em cũng âm thầm ở tại nhà Sở như từ trước, chỉ đóng cửa trước không mở, và giảm sự tụ họp đông đảo như trước mà thôi.

Vì làng xã tại địa phương thấy Anh Em nơi đây đều là lo làm ăn tu hành, và cả thầy đều trường trai chớ không có điều chi khả nghi làm cách mạng nên họ ngó lơ cho Anh Em ở đó.

Cũng trong năm Quý Dậu (1933), Cơ quan Đạo biến động, Chức Sắc Đại Thiên Phong nghịch lẫn nhau, rồi lần di đến chỗ chia phe, phân phái.

- Ông Đầu Sư Thượng Tướng Thanh (*Nguyễn Ngọc Tường*) và Đầu Sư Ngọc Trang Thanh (*Lê Bá Trang*) lập “*Ban Chính Đạo*”, địa điểm tại Bến Tre, tức là Tòa Thánh An Hội Bến Tre;
- Ông Lê Kim Tỵ và Giáo Hữu Chính lập ra phái “*Tiên Thiên*”, địa điểm bìa Sân Cu, giáp ranh với

Bà Để, và sau này dời về Sóc Sãi, Bến Tre:

- Ông Phối Sư Thái Ca Thanh (*Đốc Phủ Ca*) lập phái “*Chơn Minh Lý*”, địa điểm tại Mỹ Tho.
- Ông Ngô Đức Nhuận và Nguyễn Ngọc Điền (*Chín Rung*) lập một phái gọi là phái “*Tuyệt Cốc*”, không có địa điểm chính thức và còn nhiều phái khác nữa...

Từ đây, những nhóm người tách rời Tòa Thánh thường đánh đổ Đức Quyền Giáo Tông Thượng Trung Nhựt và Đức Hộ Pháp, thậm chí có phần tử dựa vào quyền đòi để gây rối rắm trong Đạo.

Đến tháng Giêng năm Giáp Tuất (1934), khi cúng Đền Rằm tháng Giêng vừa xong, liền được tin đến ngày 20 tháng Giêng này là có Chi Phái về Tòa Thánh Đăng Điện, tức là lên Ngôi Giáo Tông, và sẽ đuổi Đức Quyền Giáo Tông ra khỏi Tòa Thánh. Đức Quyền Giáo Tông lấy làm lo lắng, nên đến cho Đức Thầy hay và nhờ Đức Thầy liệu cách bảo vệ sự an toàn cho Tòa Thánh.

Đức Thầy nói: “*Xin Anh Cả yên tâm, để mặc Em lo liệu*”. Và liền kể đó, Đức Thầy ra cho Thủ Bản Phạm Môn là Ông Nguyễn Văn Gia khẩn cấp kêu hết Anh Em Chủ Sở và Đạo Sở nơi các Sở Phạm Môn phải có mặt tại Tòa Thánh trước 5 giờ sáng ngày 20 tháng Giêng Giáp Tuất (1934), để Đức Thầy dạy việc, mỗi Cơ Sở chùa lại một người giữ nhà mà thôi.

Vừa rạng sáng ngày 20 tháng Giêng Giáp Tuất (1934), cả Anh Em lớn nhỏ nơi các Sở Phạm Môn đều tụ đến đủ mặt tại Hiệp Thiên Đài, Đức Thầy giao cho Ông Giáo Sư Thượng Minh Thanh lãnh trách nhiệm điều động thống nhứt phân ra giữ các cửa ra vào Nội Ô Tòa Thánh.

Đúng như ngày đã định, lúc 7 giờ sáng ngày 20 tháng giêng Giáp Tuất (Dl. 5/3/1934), nhóm người Chi Phái kéo về Toà Thánh rất đông, vừa đến cửa Hòa Viện (cửa số 1) thì ngưng lại rồi phân ra. Một nhóm thì kéo vào cửa số 1, còn một nhóm thì lại kéo đến cửa số 2, cũng đồng xông vào Nội Ô.

Những người giữ cửa được lệnh của người làm đầu bảo ngăn lại không cho vô và nói rằng:

– Các Hiền Huynh nán đợi chúng tôi báo cáo với Đức Quyền Giáo Tông và đợi có lệnh Anh Cả cho mời các Hiền Huynh sẽ vô cũng không muộn...

Rốt cuộc âm mưu của họ bất thành.

Sau cuộc biến động ngày 20 tháng Giêng kể trên, Đức Quyền Giáo Tông mời anh em Phạm Môn dự bữa tiệc thân mật, có Đức Hộ Pháp tham dự.

Trước khi nhập tiệc Đức Quyền Giáo Tông có đề lời:

– *“Lúc trước Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn có một phần chức sắc lớn trong Hội Thánh đánh đổ, chớ ít ai nhìn nhận là đúng. Hễ ai nói sao Qua nghe vậy chớ thật ra Qua cũng không biết Đức Hộ Pháp mở Phạm Môn ích lợi gì? Đến hôm nay Qua mới biết, nhờ có mấy em dám hy sinh để bảo tồn nghiệp Đạo”.*

Và cũng trong bữa tiệc này, Đức Quyền Giáo Tông ngỏ ý yêu cầu Đức Hộ Pháp cho Hội Thánh Cửu Trùng Đài mượn người Phạm Môn để bổ đi các Tỉnh hầu trấn an tinh thần bốn Đạo rất hoang mang và Đức Thầy cũng hứa chịu...

Cơ Đạo đang gặp cơn thử thách, Đức Quyền Giáo Tông và Đức Hộ Pháp đồng tâm hợp sức lèo lái con

thuyền. Đạo vượt qua cơn bão tố, nhưng khổ nỗi gặp cảnh họa vô đơn chí là đến ngày **13 tháng 10 năm Giáp Tuất (7 tháng 11 1934) Đức Quyền Giáo Tông đăng tiên** làm cho cả Hội Thánh và toàn Đạo đều ngậm ngùi thương tiếc...

Sau cuộc tang lễ Đức Quyền Giáo Tông Hội Thánh liền triệu tập Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Hội Thánh để tìm phương củng cố nền Đạo.

Kết quả cả hai Đại Hội Nhơn Sanh và Hội Thánh đều đồng thanh yêu cầu Đức Hộ Pháp nắm luôn quyền chưởng quản Cửu Trùng Đài cho đến ngày nào có Đâu Sư chánh vị, tức là **Đức Hộ Pháp Chưởng Quản Nhị Hữu Hình Đài Hiệp Thiên và Cửu Trùng**.

## CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN

### A- TỪ PHẠM MÔN CHUYỂN SANG PHƯỚC THIỆN

Như phần trên có nói kể từ đầu năm 1934, tỉnh trưởng Tây Ninh đã ra lệnh đóng cửa Phạm Môn với lý do “*lập Hội không xin phép nhà nước*” và họ nghi ngờ Phạm Môn hoạt động chánh trị (*chống Pháp*), nay Đức Hộ Pháp đổi Phạm Môn thành Cơ Quan Phước Thiện tức hoạt động song song với Hành Chánh Đạo, có phẩm trật chức sắc rõ ràng nên nhà cầm quyền không nghi ngờ nữa.

**Diễn tiến việc thành lập Cơ Quan Phước Thiện như sau:**

Qua năm Ất Hợi (1935), Đức Thầy nhớ lời hứa với Đức Quyền Giáo Tông, nên Đức Thầy đưa Anh Em Phạm Môn ra cầu phong do Đàn Cơ tại Cung Đạo

Đêm Thánh đêm Rằm tháng 2 Ất Hợi (Đl. 19/3/1935), Đức Lý Đại Tiên kiêm Giáo Tông Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ giáng Cơ phong Ông Trịnh Phong Cường là Giáo Hữu, còn những vị khác đều là Lễ Sanh Phái Thượng (gọi chung là *Lễ Sanh Giáo Thiện*) gồm 26 Nam và 14 Nữ Lễ Sanh Giáo Thiện.

Sau khi cầu phong, Đức Thầy lựa chọn 20 vị nam, 9 vị nữ bổ đi làm Đầu Họ Phước Thiện một tỉnh trong 20 tỉnh Nam Phần Việt Nam thời đó. (*Nghĩa là mỗi tỉnh đã có Đầu Họ Đạo về Hành Chánh nay thêm Đầu Họ Phước Thiện*). Đức Thầy dạy bắt thăm ai trúng đầu thì đi đó. Và Đức Thầy còn ban cho mỗi người một đạo hiệu đặc biệt.

Như vậy **Cơ Quan Phước Thiện được thành lập từ đây (năm 1935)**. Đức Thầy cử Ngài Khai Pháp Trần Duy Nghĩa lãnh trách nhiệm Chưởng Quản Cơ Quan Phước Thiện.

Trước khi đi trấn nhậm nơi địa phương các vị này phải đến Hộ Pháp Đường mỗi đêm từ 6 đến 10 giờ để học về Kinh kệ, học đi lễ, học cách tiếp xúc, xã giao với thân hào nhân sĩ địa phương và các Chức sắc tôn giáo bạn... Chính Đức Thầy đích thân dạy cặn kẽ mọi điều.

Những vị Đầu Họ Phước Thiện buổi đầu tiên khi đến địa phương đều ở tại các Thánh Thất chung với Đầu Họ Hành Chánh Đạo, nhưng việc ai nấy lo, nếu gặp việc cần đều chung lo giúp đỡ lẫn nhau.

- Đầu Họ Đạo Hành Chánh lo phổ độ Nhơn sanh.
- Đầu Họ Phước Thiện lo cho người Hiến Thân vào Phước Thiện khai mở Cơ Sở Lương Điền, Công Nghệ và Thương Mãi.

Về việc Đạo sự lúc này tiến triển rất khả quan, nhất là việc người Hiến Thân vào Phước Thiện và vụ khai mở Sở Lương Điền.

Đến ngày 27 tháng Chạp Ất Hợi (1935), các vị Đầu Hộ Phước Thiện tiếp được điện tín của Ngài Khai Pháp Chưởng Quản Phước Thiện cho phép về ăn Tết, mỗi người được về thăm gia đình đến ngày 8 tháng Giêng Bính Tý (1936), phải có mặt tại Tòa Thánh để cúng Vía Đức Chí Tôn và đãi lịnh (*chờ lịnh*) Hội Thánh.

Qua ngày mùng 9, Đức Thầy cho kêu hết những vị Đầu Hộ Phước Thiện họp đủ mặt tại Hộ Pháp Đường, Đức Thầy ban cho mỗi vị bốn phép Bí Tích là:

1. Phép Giải Oan
2. Phép Tắm Thánh
3. Phép Đoạn Căn (*Hành Pháp xác*)
4. Phép Hôn Phối

Đức Thầy trực Thân, khai khiếu, truyền Đạo, cách thức hành pháp cho từ người, Đức Thầy lại ban cho mỗi vị một cây bạch đăng (*đèn cây trắng*) và dặn khi nào gặp việc khó khăn không giải quyết được, đợi lúc 12 giờ khuya để lên đốt cây đèn cây này, và thành tâm cầu nguyện thì Thầy sẽ giúp cho.

Khi các việc xong, Đức Thầy dặn, cúng Lễ Rằm tháng Giêng rồi trở xuống Địa phương lo phận sự của mình. Còn về bảng chỉ dẫn Hành Pháp, Thầy sẽ gửi xuống sau. Việc Hành Pháp này phải ráng tập luyện, khi nhận thấy được, sẽ thực hành, và khi Hành Pháp, sự kết quả như thế nào, nhớ Phúc Trình về cho Thầy biết.

Nhờ Đức Thầy truyền Thân, khai khiếu và truyền Pháp, nên việc Hành Pháp rất kết quả khả quan nhất

là Phép Giải Oan và Giải Bệnh. Sự hiệu lực thấy hiển hiện trước mắt, nên mỗi kỳ Đàn, bốn Đạo tụ đến cúng rất đông để được Giải Oan luôn thể.

Vì những huyền diệu các Đấng Thiêng Liêng ban bố hộ trì nên Bốn Đạo hiến thân vào Phước Thiện tấp nập, và đồng thời các tỉnh khác trong miền Nam Việt Nam cũng tương tự như vậy, nghĩa là cũng nhờ huyền diệu việc Giải Oan, Giải Bệnh của các Ông Đầu Họ Phước Thiện mà người hiến thân vào Phước Thiện như lượn sóng tràn bờ.

Cũng trong năm Bính Tý (1936), có lệnh của Ngài Khai Pháp Chương Quán Phước Thiện dạy các vị Đầu Họ Phước Thiện chọn người đã hiến thân trọn đời vào Phước Thiện đưa về Tòa Thánh đăng nhập vào Công thợ tạo tác Tổ Đình lối bốn trăm (400) người, kể cả Nam lẫn Nữ. Đức Thầy dạy, nếu ai bằng lòng hy sinh làm Tổ Đình phải Minh Thệ thủ trình trong thời gian tạo tác Tòa Thánh, khi làm xong mới lập gia đình, dẫu Nam hay Nữ cũng phải như vậy.

Đến **ngày mùng 1 tháng 11 năm Bính Tý (14/12/1936), khởi Công thợ tạo tác Tòa Thánh.** Các Họ Đạo Phước Thiện trong miền Nam Việt Nam đều tổ chức Sở Lương Điền để sản xuất lương thực cần dùng nơi Cơ Sở và giúp đỡ cho những người bệnh tật, khốn khổ tai nạn và dành ra một phần đặc biệt đem về Tòa Thánh, cho công thợ tạo tác Tổ Đình dùng hằng ngày nơi Trai Đường, kể cả thợ hồ, thợ mộc, thợ cửa, thợ sắt, Sở đắp vữa, Sở lò gạch, Sở đào đá v.v...



## B- CƠ QUAN PHƯỚC THIỆN CHÍNH THỨC RA ĐỜI.

Tuy bắt đầu hoạt động từ năm 1935, nhưng lúc đó chức sắc Phước Thiện chỉ có một phẩm gọi là Lễ Sanh Giáo Thiện mà thôi, mãi đến ngày Mùng 8 tháng Giêng năm Mậu Dần (7-2-1938), Hội Thánh ban hành bộ Đạo Luật năm Mậu Dần qui định rõ 4 Cơ quan trong Đạo là: Hành Chánh, Phước Thiện, Phổ Tế và Tòa Đạo (*sau này đổi lại là Pháp Chánh*).

Trong bộ Đạo Luật Mậu Dần qui định **12 phẩm trật của Phước Thiện gọi là Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng** cùng nhiệm vụ của họ, từ dưới lên trên như sau:

- |                |                |
|----------------|----------------|
| 1. Minh Đức    | 7. Đạo Nhơn    |
| 2. Tân Dân     | 8. Chơn Nhơn   |
| 3. Thỉnh Thiện | 9. Hiền Nhơn   |
| 4. Hành Thiện  | 10. Thánh Nhơn |
| 5. Giáo Thiện  | 11. Tiên Tử    |
| 6. Chí Thiện   | 12. Phật Tử    |

Và đến ngày 19-10 Năm Mậu Dần (10-12-1938), Đức Hộ Pháp và Đức Giáo Tông Lý Thái Bạch đồng ký tên phong **ban hành Đạo Nghị Định số 48 qui định phẩm phục, công cử, cầu phong cho chư chức sắc Phước Thiện**. Kể từ đó Cơ Quan Phước Thiện chính thức ra đời và ngang hàng với các Cơ quan khác trong Đạo.

Từ ngày Phước Thiện được chính thức là một trong bốn Cơ quan của nền Chánh Trị Đạo và phân định rõ phẩm tước, hơn nữa Đạo Luật năm Mậu Dần (1938) lại định rõ về nhiệm vụ, quyền hạn phân minh thì lại càng tiến triển khả quan hơn trước, nhứt là về tạo tác Tổ Đình, phần công thợ hầu hết là người Phước Thiện, còn về lương thực công thợ dùng hằng ngày là

do toàn Đạo, các địa phương hợp sức chung lo, nhưng phần lớn là nhờ các Sở Lương Điền Phước Thiện ở các tỉnh Miền Tây...

Cũng trong năm Kỷ Mão (1939), Cơ Đạo đang tiến triển thì bỗng nhiên dùng một cái Chính Quyền Pháp ra lệnh đóng cửa các Thánh Thất và Cơ Sở Phước Thiện trong toàn quốc, nhưng những vị Đầu Hộ và Đầu Quận Phước Thiện đã len lỏi ở lại lo trách nhiệm của mình để tiếp tục việc kiến thiết Tòa Thánh.

Tới kỳ Lễ Hạ Ngươn Rằm tháng 10 Canh Thìn (1940), các vị Đầu Hộ và Đầu Quận Phước Thiện về Tòa Thánh châu Lễ Đức Chí Tôn, sáng ngày 16, Đức Thầy kêu hết qua Hộ Pháp Đường rồi Đức Thầy dạy Anh Em đến thưa cho Ngài Khai Pháp Chuông Quán Phước Thiện hay là:

– Thầy tôi dạy đến thưa cho Sư Thúc hay rằng Thầy tôi không cho chúng tôi đi hành nhiệm Đầu Hộ, Đầu Quận Phước Thiện nữa.

Lúc đó Tòa Thánh mới làm vừa kín chớ chưa được hoàn tất. Rồi Đức Thầy cho Anh Em Phạm Môn phân ra kẻ lo tạo Sở mới, người trở về Sở cũ, lo tìm phương sinh sống hầu bảo bọc lẫn nhau trong cơn khốn khổ.

Bỗng dưng sét đánh ngang mày, khiến toàn Đạo như gà mất mẹ, **là ngày 4 tháng 6 nhuận Tân Tỵ (Đl. 27-7-1941)**, mật thám Pháp ở Sài Gòn đến tại Tòa Thánh bắt Đức Thầy (*Đức Hộ Pháp*) đem về Sài Gòn, cách ít ngày sau đó tiếp tục bắt thêm Ông Khai Pháp và nhiều Ông khác nữa, kể chung như dưới đây:

- Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.
- Khai Pháp Trần Duy Nghĩa.

- Ngọc Chánh Phối Sư Ngọc Trọng Thanh.
- Q. Thái Chánh Phối Sư Thái Phần Thanh.
- Giáo Sư Thái Gấm Thanh (*Công Viện*)
- Sĩ Tải Đỗ Quang Hiến.

Cả sáu vị Đại Thiên Phong nay đều bị lưu đày sang hải đảo Madagascar thuộc Phi Châu, cả toàn Đạo đều chịu cảnh như con mất cha, trò mất Thầy. Tòa Thánh thì quân đội Pháp chiếm đóng (*gọi là Thành Mới*). Riêng về Anh Em Phạm Môn còn ở nơi đây người thì về gia đình lo bề Nhơn đạo, nhưng lòng trung nghĩa đối với Đạo, với Thầy và với cả Anh Em không bao giờ phai lợt. Anh Em thường tới lui thăm viếng và bàn bạc nhắc nhở nhau về Đạo, về Thầy và về Anh Em để đợi ngày Đức Thầy trở về cố quốc hầu tiếp nối bước đường lập Cơ ng bồi đức.

Trong thời gian Đức Hộ Pháp bị lưu đày, ở nhà các vị Chức sắc hợp tác với quân đội Nhật lập thành Nội Ứng Nghĩa Binh để lật đổ chính quyền thuộc địa. Pháp để giành độc lập cho đất nước và cũng vì Pháp đã lưu đày Đức Hộ Pháp là vị giáo chủ hữu hình của Đạo. Nhưng sau đó Nhật Bản bị thua trận và đầu hàng Đồng Minh. Pháp trở lại Việt Nam.

Khi hiểu được mục đích khối Cao Đài, nên Pháp muốn xoa dịu lòng căm hận, mới đưa Đức Hộ Pháp trở về Việt Nam và trả lại quyền tự do hành Đạo.

**Đức Thầy về tới Sài Gòn ngày 26 tháng 7 Bính Tuất** (*Dl. 22-8-1946*) và về đến Tòa Thánh ngày 4 tháng 8 Bính Tuất (*Dl.30-8-1946*).

Vừa về đến Tòa Thánh, Đức Hộ Pháp liền tái thủ Đạo Quyền, chấn chỉnh lại các cơ cấu Hành Chánh Đạo.

Đến tháng 10 năm Bính Tuất (1946), liền ra lệnh phục hồi Quyền Vạn Linh tức là tổ chức Đại Hội Nhơn Sanh và Đại Hội Phước Thiện, kỳ hội này là kỳ Hội Ân Xá nên việc cầu phong, cầu thăng có phần chậm chể, nhờ vậy kết quả về vụ cầu phong được ân phong vào phẩm Lễ Sanh và Giáo Thiện khá nhiều.

### C- NÂNG CẤP CƠ QUAN PHƯỚC THIÊN THÀNH HỘI THÁNH PHƯỚC THIÊN

Đến cuối năm Bính Tuất (1946), khi Đại Hội bế mạc xong, Đức Thầy liền thành lập Hội Thánh Phước Thiện, gồm đủ Cửu viện giống như Hội Thánh Cửu Trùng Đài. Và Hội Thánh Phước Thiện đặt trực thuộc Hiệp Thiên Đài.

Ngài Hiến Đạo Hiệp Thiên Đài Phạm Văn Tươi, Chưởng Quản Phước Thiện.

Kể đến Tết Nguyên Đán Đinh Hợi (1947), Ngài Hiến Đạo Phạm Văn Tươi về quê nhà ở Cần Giuộc ăn Tết rồi bị kẹt luôn không trở lên Tòa Thánh hành Đạo nữa được nên Đức Thầy chỉ định Ông Đạo Nhơn Nguyễn Tự Thế làm Chưởng Quản Phước Thiện và Phước Thiện vẫn mạnh tiến trên bước đường hành Đạo, Cơ cứu khổ lần lần khai mở thêm như: Cô Nhi Viện Dưỡng Đường Phước Thiện, Bảo Sanh, Trại Hàng Cấp Tế, các Sở Hốt Thuốc Nam miễn phí để giúp cho Nhơn sanh khi bệnh hoạn.

**Đến ngày 14 tháng Giêng năm Đinh Hợi (1947), Đức Thầy ban ra: Phương Luyện Kỹ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo.**

Từ ngày thành lập Hội Thánh Phước Thiện thì việc tiến triển từ Trung Ương đến Địa Phương đều rất khả

quan. Người hiến thân vào Phước Thiện mỗi ngày thêm đông, nhưng không may Phước Thiện lại chịu lấy tang chung là Ông Chuởng Quán Phước Thiện Đạo Nhơn Nguyễn Tự Thế qui vị vào ngày mùng 9 tháng 11 năm Đinh Hợi (Dl. 20-12-1947). Cách lối tuần lễ sau, Anh Em đệ tờ lên Đức Thầy cầu xin định người kế nhiệm Chuởng Quán Phước Thiện và được Đức Thầy chỉ định Ông Đạo Nhơn Trịnh Phong Cương cầm quyền Chuởng Quán Phước Thiện và cứ noi theo luật lệ của Đạo từ trước mà tiếp nối.

### KẾT LUẬN

Khởi đầu là Phạm Môn và Minh Thiện rồi sau đó thành Cơ Quan Phước Thiện rồi đến Hội Thánh Phước Thiện, chức vị này đã đóng góp một phần rất quan trọng trong việc xây dựng Đền Thánh cũng như phát triển nền Đạo. Vì vậy trong một bài thuyết Đạo tại Văn Phòng Hội Thánh Phước Thiện vào ngày 12 tháng Giêng Ất Mùi (4-2-1955), Đức Hộ Pháp thuyết giảng như sau:

*“Bởi vì sự Công chánh, Bản Đạo đứng giữa đây, Bản Đạo phải nói, Bản Đạo nói thiệt, cả sự nghiệp của Đạo còn tồn tại đây là do bàn tay của Phạm Môn. Nếu không có Phạm Môn thì Đạo không đứng vững.*

*Đức Chí Tôn đã định cho Bản Đạo thâu 72 vị môn đệ mà chỉ hành sự có 36, 37 vị. Buổi đó thầy trò chịu cực khổ, tìm phương tạo nghiệp mà bị chúng đánh đổ, đến đổi vận lương thực Lục tỉnh về Tòa Thánh mà cũng bị ngăn cản, quyết bỏ đói cho chết, mà tội nghiệp thay, họ cũng không thối chí ngã lòng cứ cương quyết theo Bản Đạo cho đến ngày lập thành Hội Thánh Phước Thiện.*

*Thật nổi khổ tâm của mấy em Phạm Môn, chỉ lấy hai bàn tay trắng mà tạo nên sự nghiệp cho Đạo, họ chỉ bắt gió nắm hình lấy không làm có.”*

Đặc biệt hai vị Phạm Môn đã đắc Thánh vị là Phối Thánh Phạm Văn Màng và Phối Thánh Bùi Ái Thoại, một số vị khác đoạt Thần vị có về Cơ cho biết như ông Thần Chiếm, Thần Trần Văn Toàn,... Các vị này chỉ biết lo lập Cơ ng quả và một lòng vì Thầy vì Đạo chớ không có tịnh luyện gì cả, đúng như lời Thánh giáo Đức Chí Tôn dạy:

*“Người dưới thế này muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của, ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có Công quả”*

HT Mai Văn Tím.

**Biên soạn theo các tài liệu:**

- Phạm Môn Sử Lược (*Hồi ký của Nguyễn Đức Hòa*) <http://wwwpersonal.usyd.edu.au/~cdao/books/vlsphammon.htm>)
- Phạm Môn, Minh Thiện, Phước Thiện (*Thanh Minh*)
- Cao Đài Từ Điển (*HT Nguyễn Văn Hồng*)



**PHẠM MÔN,  
MINH THIÊN-PHƯỚC THIÊN**

**HT MAI VĂN TÌM**